

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2026.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Liễu.

- Thư ký phiên tòa: bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - T tham gia phiên tòa: bà Ngô Trần Tuyết Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trần Thị N, sinh năm 1992; căn cước công dân: 096192017154 cấp ngày 23-01-2022; địa chỉ: ấp G, xã T, tỉnh C (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* anh Ngô Quốc B, sinh năm 1998; căn cước công dân: 072098005320 cấp ngày 27-4-2021; địa chỉ: ấp T, phường L, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Chị và anh B chung sống với nhau từ năm 2022, đăng ký kết hôn năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, tỉnh T. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó bất đồng quan điểm sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng khác biệt về tính cách, không hòa

hợp, không có tiếng nói chung, anh B ham chơi, gây nợ nần, không lo làm ăn. Chị và anh B đã ly thân không còn sống chung từ tháng 9-2025 đến nay, anh B chuyển về sinh sống cùng cha mẹ ruột tại ấp T, phường L, tỉnh T chúng sống cho đến nay. Trước khi nộp đơn ly hôn ra tòa chị đã liên hệ và thông báo cho anh B và gia đình bên chồng biết là chị sẽ nộp thủ tục ly hôn ra tòa án nhưng anh B không liên hệ với chị để hàn gắn. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Ngô Triệu V, sinh năm 2023, từ ngày ly thân tới nay con chung sống với chị nên chị yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Ngô Quốc B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt do đó không có lời trình bày.*

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - T phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N đối với anh Ngô Quốc B. Về con chung: giao chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Ngô Triệu V, sinh năm 2023. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung, tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị N, anh B chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh T nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo chị N thì anh chị mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân chủ yếu là về vấn đề tiền bạc kinh tế trong gia đình, anh B không chăm lo cho cuộc sống của gia đình, thường xuyên cờ bạc gây nợ nần, khi mâu thuẫn thì anh tự bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống không liên lạc với vợ con làm mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Anh chị đã ly thân từ tháng 9/2025 đến nay. Nay chị N xác định

không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu được ly hôn. Anh B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, thể hiện không có thiện chí muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N với anh Ngô Quốc B.

[3] Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Ngô Triệu V, sinh năm 2023, từ ngày ly thân cháu V sống chung với chị N, nay chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên chấp nhận yêu cầu về con chung này của chị N.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị N, anh B không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - T là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N với anh Ngô Quốc B.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Ngô Triệu V, sinh ngày 13-9-2023 cho chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, ghi nhận chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị N, anh B không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0004948 ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T, chị N đã thi hành xong tiền án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND khu vực 10 - T;
- THADS tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Ly